

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2018/ HNGĐ - ST

Ngày 16 tháng 10 năm 2018

V/v : “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Huệ

2. Ông Đinh Văn Hoát

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hồng Buôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (Theo Quyết định ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS, ngày 09/6/2015 của ông Dương Quyết Th). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào ngày 31 tháng 8 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình chung sống chị và anh H đã có với nhau 02 con là cháu Nguyễn Cao Viết C, sinh ngày 05/10/2007 và cháu Nguyễn Cao Tuyết Nh, sinh ngày 12/02/2015.

Thời gian đầu kết hôn chị và anh H sống hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng có những lúc cũng xảy ra mâu thuẫn do anh H không chăm lo gì đến vợ con, anh H đi làm về nhậu nhật say xỉn, từ đầu năm 2015 đến cuối năm 2016 tuy vợ chồng chị chung sống trong một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai, nhưng vì các con nên chị cố gắng chấp nhận cuộc sống như vậy để lo cho các con, đến đầu năm 2017 mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn khi anh H nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên thường xuyên nhậu nhẹt, có lúc đánh đập chị. Do đó, chị đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu ly hôn nhưng sau đó anh H van xin chị cho anh cơ hội và hứa sẽ sửa sai nên chị đã tha thứ. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh H vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi, ngày nào anh H cũng uống rượu say xỉn rồi về chửi bới xúc phạm chị, có lúc đe dọa giết chị và không chăm lo gì đến mẹ con chị.

Nay xét thấy không thể kéo dài cuộc sống chung với anh H được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Khi ly hôn, chị D nhận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Cao Tuyết Nh, sinh ngày 12/02/2015 và cháu Nguyễn Cao Viết C, sinh ngày 05/10/2007, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị đã thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S, chị không yêu cầu anh H cùng trả và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện S đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn H nhận, nhưng sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án anh H đã bỏ đi không có mặt tại địa phương. Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng, anh H biết việc Tòa án báo gọi nhưng anh H vẫn cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự được.

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện: Ngày 29/11/2013, chị Cao Thị D và anh Nguyễn Văn H có vay vốn chương trình Hộ sản xuất kinh doanh thuộc vùng khó khăn tại Ngân hàng số tiền 25.000.000đồng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 29/11/2018. Đến ngày 10/3/2017 chị D, anh H vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tại Ngân hàng số tiền 12.000.000đồng, hạn trả nợ cuối cùng ngày

10/3/2022. Do chị D ly hôn anh H nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Cao Thị D và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 37.000.000đồng và tiền lãi là 120.000đồng.

Tuy nhiên, ngày 10/7/2018, Ngân hàng chính sách xã hội đã có văn bản rút yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu của Ngân hàng vì chị Cao Thị D đã trả dứt điểm tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Và ngày 02/8/2018, Ngân hàng có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt đến khi Tòa án giải quyết kết thúc vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị Cao Thị D và anh Nguyễn Văn H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình xử chị Cao Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Cao Viết C và cháu Nguyễn Cao Tuyết Nh cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con nên Viện Kiểm sát không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Cao Thị D xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và nghĩa vụ tài sản khi ly hôn”. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H có địa chỉ tại xã S, huyện S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị D và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào ngày 31/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu chị D và anh H sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm gì đến vợ con, anh H đi làm về nhậu nhẹt say xỉn nhưng vì con nên chị D cố gắng sống. Đến đầu năm 2017, mâu thuẫn tiếp tục phát sinh càng trở nên trầm trọng hơn khi anh H nghi ngờ chị D có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên thường xuyên nhậu nhẹt, có lúc đánh đập chị D nên chị D đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện S để yêu cầu ly hôn nhưng sau đó anh H van xin chị D cho anh H cơ hội và hứa sẽ sửa sai nên chị D đã tha thứ. Tuy nhiên, từ khi về sống lại với nhau anh H vẫn chứng nào

tật ấy không thay đổi, ngày nào anh H cũng uống rượu say xỉn rồi về chửi bới xúc phạm chị D, có lúc đe dọa giết và không chăm lo gì đến mẹ con chị D. Mâu thuẫn vợ chồng của chị D và anh H cũng đã được chính quyền xác nhận là có thật nhưng anh H vẫn không thay đổi. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Cao Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị Cao Thị D và anh Nguyễn Văn H có 02 con là cháu Nguyễn Cao Viết C, sinh ngày 05/10/2007 và cháu Nguyễn Cao Tuyết Nh, sinh ngày 12/02/2015. Theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Cao Viết C, khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ, riêng cháu Nguyễn Cao Tuyết Nh chưa đủ 07 tuổi để lấy ý kiến nguyện vọng của cháu, tuy nhiên thực tế 02 cháu đang sống cùng với chị D, anh H cũng không quan tâm, chăm sóc đối với các con và hiện bỏ đi không có mặt tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Cao Viết C và cháu Nguyễn Cao Tuyết Nh cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Cao Thị D tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con, Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình Tòa án giải quyết, Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S và chị D đã tự thỏa thuận giải quyết xong. Ngày 10/7/2018 Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S đã có đơn xin rút đơn khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần nghĩa vụ trả nợ.

[7]. Về án phí: Chị Cao Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng phần yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp; Ngân hàng chính sách xã hội thuộc trường hợp không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp điểm c khoản 1 Điều 11 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 1 Điều 11 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Cao Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
2. Về nuôi con: Xử giao cháu Nguyễn Cao Viết C, sinh ngày 05/10/2007 và cháu Nguyễn Cao Tuyết Nh, sinh ngày 12/02/2015 cho chị Cao Thị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Cao Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nghĩa vụ trả nợ: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0000056 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện S thuộc trường hợp không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện S;
- UBND xã S; huyện S;
- UBND xã Đ, huyện M.
- Lưu Hồ sơ + Ấn văn.

(Đã ký)

Trần Mến

